

Bản án số: 830/2026/HS-PT
Ngày: 18 – 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thương
2. Ông Phạm Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phụng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trần Nguyễn Phương Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 713/2026/HSPT ngày 14/8/2026 đối với bị cáo Trần Trọng Thụy T do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 395/2026/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Trọng Thụy T, sinh ngày 08/01/1984; tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 4 C, khu phố B, phường Đ, Thành phố H, chỗ ở: 94/22/10 P, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Trọng T1 và bà Phạm Thị M; Anh chị em ruột: 06 người, lớn nhất sinh năm không rõ, nhỏ nhất sinh năm không rõ; Vợ Nguyễn Thị Thu H (đã chết); Con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 15/5/2002, có hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 08/10/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 1485/HSST. Đã xóa án tích.

+ Ngày 08/8/2005, có hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 16/5/2006, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 111/2006/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù

ngày 09/8/2011, bị cáo đã đóng án phí, đã xóa án tích.

Tiền án:

+ Ngày 01/6/2015, có hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 10/3/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 71/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2018, đã đóng án phí. Chưa xóa án tích.

+ Ngày 28/02/2019, có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 21/02/2020, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 22/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2025. Đã đóng án phí. Chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/10/2025 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

(Trong vụ án này còn có các bị cáo Lầu Vĩnh C, Mai Nguyễn Ngọc T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Quốc T3, Phan Quốc B nhưng không có kháng cáo; vụ án không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Trần Trọng Thụy T và M Nguyễn Ngọc T2 có quan hệ tình cảm với nhau nên thường đến quán nước của Bùi Thị T4 (T4 là người sống chung như vợ chồng với Lầu Vĩnh C) để uống nước. Tại đây, T gặp Lầu Vĩnh C và biết C có bán ma túy nên đã xin số điện thoại để khi cần sẽ liên hệ mua ma túy.

Khoảng tháng 5/2025, Phạm Quốc T3 hỏi Ngọc T2 có bán ma túy không thì T2 nói không bán rồi T2 nhắn tin cho T3 số điện thoại của T để T3 tự liên hệ với T, việc T3 có liên hệ với T mua ma túy hay không và mua bao nhiêu lần thì T2 không biết. Sau đó, T3 đã liên lạc với T mua bán ma túy, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: khoảng tháng 5/2025, T3 gọi điện thoại cho T hỏi mua 200.000 đồng ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá), T đồng ý và gọi điện thoại cho C hỏi mua ma túy đá với số tiền 200.000 đồng, C đồng ý. Sau đó, T qua nhà C tại phòng trọ số C, nhà số B, đường I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và đi lên gác lửng gặp C đưa số tiền 200.000 đồng rồi C liên hệ với một người tên L (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, sau đó L đến trước nhà C bán cho C 01 gói nylon chứa ma túy đá (không rõ khối lượng) và C đưa cho L số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua ma túy, C mang vào nhà đưa cho T 01 gói nylon bên trong có chứa ma túy đá. Sau đó, T về nhà, trên đường đi, T ghé vào Công viên K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh phân chia ma túy vừa mới mua ra làm 02 phần: 01 phần bỏ vào ống hút nhựa hàn kín 02 đầu để bán lại cho T3, 01 phần để lại trong túi nylon để T sử dụng riêng rồi T liên lạc với T3 hẹn bán ma túy đá

tại trước địa chỉ I P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, khi T3 đến điểm hẹn thì T đưa cho T3 01 ống hút nhựa hàn kín 02 đầu bên trong chứa ma túy đá (không rõ khối lượng) và T3 đưa cho T số tiền 200.000 đồng. Sau khi bán ma túy, T đến Công viên K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy số ma túy trong túi nylon còn lại ra sử dụng một mình hết.

- Lần thứ hai: khoảng tháng 6/2025, T3 tiếp tục liên lạc với T hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và gọi điện thoại cho C hỏi mua ma túy đá. C đồng ý và gọi điện thoại cho L (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. Lần mua bán ma túy này T3, C, T thực hiện giống như lần thứ nhất đã nêu trên. Sau khi mua ma túy, T tiếp tục phân chia gói ma túy làm 02 phần: 01 phần ma túy để lại sử dụng và 01 phần (không rõ khối lượng) bán lại cho T3 với giá 200.000 đồng, địa điểm giao dịch ma túy và cách thức thanh toán tiền mua bán ma túy giống như lần thứ nhất.

- Lần thứ ba: khoảng tháng 7/2025, T3 tiếp tục liên lạc với T hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và gọi điện thoại cho C hỏi mua ma túy đá. C đồng ý và gọi điện thoại cho L (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. Lần mua bán ma túy này T3, C, T thực hiện giống như lần thứ nhất và lần thứ hai. Sau khi mua ma túy, T tiếp tục phân chia gói ma túy làm 02 phần: 01 phần ma túy để lại sử dụng và 01 phần (không rõ khối lượng) bán lại cho T3 với giá 200.000 đồng, địa điểm giao dịch ma túy và cách thức thanh toán tiền mua bán ma túy giống như lần thứ nhất và lần thứ hai.

- Lần thứ tư: khoảng 13 giờ ngày 07/9/2025, T đang ở nhà thì T3 gọi điện thoại hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và gọi điện thoại cho C hỏi mua ma túy đá. C đồng ý và nói T đến phòng trọ của C để mua bán ma túy. Tại đây, C gọi điện thoại cho đối tượng tên L (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì người này đến phòng trọ bán cho C 01 gói nylon chứa ma túy đá (không rõ khối lượng) và C lấy số tiền 200.000 đồng từ T đưa cho L rồi đưa lại gói ma túy cho T mang về bán lại cho T3.

2. Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Khoảng 12 giờ ngày 06/9/2025, T gọi điện thoại cho C rủ hùn tiền mua ma túy đá với giá 600.000 đồng để cùng nhau sử dụng, C đồng ý và nói T qua nhà C tại địa chỉ phòng trọ số C, nhà số B, đường I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để hùn tiền mua ma túy. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda 67 biển số 58FB-6000 qua nhà C đưa số tiền 300.000 đồng hùn mua ma túy. Lúc này, C gọi điện thoại cho L (chưa rõ lai lịch) mua 600.000 đồng ma túy đá (không rõ khối lượng) rồi trả số tiền 600.000 đồng. Sau khi mua ma túy, C mang vào nhà đi lên gác lửng lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy (do T mang đến) bỏ 01 ít ma túy vừa mua vào bình thủy tinh có gắn ống thủy tinh có đầu bo tròn và 01 ống hút rồi đưa cho T để T cầm bộ dụng cụ dùng bật lửa đốt nóng ma túy hút 02 lần, rồi đưa bộ dụng cụ chứa ma túy cho C hút 02 lần. Số ma túy còn lại C chia đều thành 02 phần, T mang về 01 phần, 01 phần thì C giữ lại. Sau đó, T mang số ma túy này về Công

viên K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng hết một mình, còn số ma túy của C thì C bỏ vào bộ dụng cụ cất giấu ở nhà để sử dụng một mình.

Đến khoảng 13 giờ ngày 07/9/2025, T đang ở nhà thì T3 gọi điện thoại hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và gọi điện thoại cho C thì C nói T đến phòng trọ của C để trao đổi mua bán ma túy. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda 67 biển số 58FB-6000 đến phòng trọ của C rồi đi lên gác lửng phòng trọ nơi C đang nằm. Tại đây, T thấy bên trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của C đang để trên bàn có cái ống thủy tinh đầu tròn còn sót lại ma túy đá mà C hút trước đó nên T dùng tay phải cầm bình thủy tinh có gắn ống thủy tinh một đầu tròn chứa ma túy và ống hút nhựa để đưa ống hút nhựa vào miệng, còn tay trái thì dùng bật lửa đốt đầu ống thủy tinh cho ra khói rồi hút khoảng 02 lần, sau đó để bộ dụng cụ xuống bàn. Khi T sử dụng ma túy thì C nhìn thấy và đồng ý cho T sử dụng. Sau đó, C gọi điện cho L (chưa rõ lai lịch) mua 200.000 đồng ma túy đá thì người này đến phòng trọ bán cho C 01 gói nylon chứa ma túy đá (không rõ khối lượng) và C lấy số tiền 200.000 đồng từ T đưa cho L rồi đưa lại gói ma túy cho T. Trên đường về, T vào Công viên K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh phân chia gói ma túy vừa mua làm 02 phần: 01 phần bỏ vào ống hút nhựa hàn kín 02 đầu bán cho T3, phần còn lại T để trong túi nylon cất giấu để sử dụng. Sau đó T đến nhà Ngọc T2 tại địa chỉ nhà không số, đường số A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì T gọi điện thoại nói T3 đến nhà của Ngọc T2 tại địa chỉ trên để mua bán ma túy, T3 đồng ý. Tại đây, T3 đưa cho T số tiền 200.000 đồng, rồi T đưa cho T3 01 ống hút nhựa hàn kín bên trong có chứa ma túy, lúc này Ngọc T2 ở trong nhà nhìn ra và thấy T3, T giao dịch mua bán ma túy. Sau khi mua ma túy, T3 mang về nhà sử dụng một mình hết còn T vào trong nhà của Ngọc T2 lấy phần ma túy vừa phân chia còn lại ngồi tại bàn nơi T2 đang nằm rồi T bỏ ma túy đá vào tờ giấy bạc (của bao thuốc lá do T chuẩn bị), dùng bật lửa của Tiến hơi nóng tờ giấy bạc chứa ma túy và hít. Khi T ngồi hút ma túy thì Ngọc T2 nằm kế bên, chứng kiến toàn bộ sự việc T sử dụng ma túy và cho phép T sử dụng ma túy tại đây. Sau khi Ngọc T2 cho T3 số điện thoại của T để liên lạc mua ma túy thì việc T3 liên lạc mua bán ma túy với T vào tháng 5/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, Ngọc T2 không biết, riêng ngày 07/9/2025 khi T bán ma túy cho T3 tại nhà của Ngọc T2 thì Ngọc T2 biết và chứng kiến việc mua bán ma túy giữa T và T3, việc Ngọc T2 giúp sức cho T bán ma túy thì Ngọc T2 không được hưởng lợi gì.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/9/2025, tổ Công tác 363 Công an Thành phố H kiểm tra hành chính Trần Trọng Thụy T và Mai Nguyễn Ngọc T2 tại trước nhà số A L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và khai nhận mua ma túy của Lầu Vĩnh C nên đã đưa về Công an phường P. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa Lầu Vĩnh C về trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Lầu V, Trần Trọng Thụy T và Mai Nguyễn Ngọc T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

Kết luận giám định số 5222/KL-KTHS ngày 18/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “*Chất được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết*”.

Kết luận giám định số 5390/KL-KTHS ngày 21/9/2025 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “*Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết*”.

Cáo trạng số 124/CT-VKS-KV9 ngày 15 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Trần Trọng Thụy T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 và điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lầu Vĩnh C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Nguyễn Ngọc T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 395/2026/HS-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trọng Thụy T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trọng Thụy T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Trọng Thụy T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2025.

Bản án hình sự sơ thẩm còn xử phạt: bị cáo Lầu Vĩnh C 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo M Nguyễn Ngọc T2 04 (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 09/7/2026 bị cáo Trần Trọng Thụy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Trọng Thụy T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Thụy T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhận thấy mức án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Thụy T là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Tại lời nói sau cùng, bị cáo Thụy T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ khoảng tháng 5/2025 đến ngày 07/9/2025 Trần Trọng Thụy T đã 04 lần mua ma túy loại Methamphetamine của Lầu V để bán lại cho Phạm Quốc T3 và thu lợi số tiền 800.000 đồng. Ngoài ra, ngày 06/9/2025 T còn có hành vi góp số tiền 300.000 đồng với C để mua ma túy cùng tổ chức sử dụng với C tại phòng trọ của C.

[2] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận: bị cáo Trần Trọng Thụy T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 và phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[3] Ngày 06/7/2026, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 09/7/2026 bị cáo Trần Trọng Thụy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo: hành vi của bị cáo Thụy T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Tuy vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo.

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo Thụy T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết này cho bị cáo.

- Khi bị tổ công tác 363, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, bị cáo Thụy T đã khai ra việc mua ma túy của Lầu Vĩnh C và cung cấp thông tin để bắt giữ C. Do đó, cần cho bị cáo Thụy T được hưởng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.2] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu như đã nêu ở phần lý lịch.

[4.3] Với hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo Thụy T như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết nào mới để xem xét cho yêu cầu kháng cáo, nhưng như đã nêu ở trên, bản thân bị cáo lại có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng và đảm bảo sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Trọng Thụy T không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung vào các năm 2021, 2014, 2025;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trọng Thụy T và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 2 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Trọng Thụy T** 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Trọng Thụy T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2025.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Trọng Thụy T không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND khu vực 9; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P. PV06- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Phòng THADS khu vực 9; (1)
- TAND khu vực 9; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (18) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng

